

Bản án số: 61/2017/HCST

Ngày: 28/12/2017

V/v “*Kiến Quyết định Hành chính và
hành vi hành chính về quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Trường

2. Bà Nguyễn Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Thoa- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-HC ngày 15 tháng 02 năm 2017, về việc khởi kiện “Hành vi Ủy ban nhân dân huyện Đ không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/2017/QĐXXST ngày 19/12/2017, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Tăng Thị T. Địa chỉ: Xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp ông Trần Ngọc H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thái Sơn H1, có mặt

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D, vắng mặt; Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Thái B; Địa chỉ: Thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có mặt.

3. Ông Tăng Văn B; Địa chỉ: Xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vắng mặt.

4. Bà Tăng Thị U. Địa chỉ: Xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/12/2016 bà Tăng Thị T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số BL 998344 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/10/2012 cho ông Thái Sơn H1 và Nguyễn Thị D (gọi tắt GCNQSDĐ số BL 998334).

Ngày 05/5/2017 UBND huyện Đ có Công văn số 2395/UBND-PTNMT (gọi tắt *Công văn 2395*) có nội dung: Bà T khiếu nại UBND huyện Đ thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất số BL 998334 cấp cho ông H1 và bà D đối với thửa số 147, tờ bản đồ số 81 tọa lạc tại thị trấn Đ là không có cơ sở.

Ngày 20/6/2017 bà T làm đơn khởi kiện về hành vi UBND huyện Đ không thu hồi GCNQSD đất đứng tên ông H1, bà D là trái pháp luật và yêu cầu hủy Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ và buộc UBND huyện Đ phải thu hồi GCNQSD đất số BL 998334 do UBND huyện Đ cấp cho ông H1 và bà D ngày 11/10/2012.

1. Đại diện người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất thửa số 147, tờ bản đồ số 81 tại thị trấn Đ là của tổ tiên ông Nguyễn Văn T, bà Châu Thị D1 sử dụng trước năm 1975. Ông T, bà D1 có 06 người con gồm: Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Đ, (ông T mất khi nào bà T không nhớ và bà D1 mất năm 1982); năm 1964 bà H2 (mẹ bà T) từ P về thị trấn Đ, đến năm 1995 gia đình bà H2 chuyển đến xã L thì để cho ông Thái Sơn H1 ở không làm văn bản giấy. H trạng trên đất: Có 09 ngôi mộ của tổ tiên từ khi nào bà T không biết nhưng trước năm 1975 và của ông Tăng Văn N1 và ông Tăng Văn H3 (là con của bà H2).

Năm 1982 bà H2 đến UBND xã P kê khai cấp GCNQSD đất, nhưng H nay gia đình bà T không còn lưu giữ.

Năm 2012 gia đình bà H2, bà T biết ông H1 được cấp GCNQSD đất. Ngày 22/9/2012 thì bà H2 có đơn ngăn chặn ông H1 phá khu mộ, đồng thời đòi lại đất của tổ tiên và gia đình bà H2 phát sinh mâu thuẫn với gia đình ông H1.

Ngày 15/8/2016 bà T khiếu nại yêu cầu UBND huyện Đ thu hồi GCNQSD đất cấp cho ông H1 và bà D. Ngày 17/5/2017 bà T nhận được Công văn số

2395/UBND-PTNMT của UBND huyện Đ ngày 05/5/2017. Có nội dung “Nội dung khiếu nại của bà T là không có cơ sở giải quyết”.

Ngày 20/6/2017 bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ và buộc UBND huyện Đ phải thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất số BL 998334.

Ngày 19/12/2017 tại buổi đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm bà T thay đổi một phần khởi kiện, chỉ yêu cầu giải quyết hủy diện tích 140,3m² đất có khu mộ là một phần của thửa số 147 tọa lạc tại ấp P, thị trấn Đ theo GCNQSD đất số BL998334 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/10/2012 cho ông H1 và bà D, vì:

- Nguồn gốc sử dụng đất là do ông T và bà D1 sử dụng từ trước năm 1975, Năm 1995 UBND huyện L (nay là Đ) cấp GCNQSD đất cho ông Thái Sơn H1 là không đúng đối tượng sử dụng đất;

- Căn cứ điểm đ khoản 2, Điều 106 luật Đất đai năm 2013 việc UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất không đúng đối tượng sử dụng đất vì ông H1 cho rằng ông H1 nhận quyền nhượng từ bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Đ là không đúng. GCNQSD đất cấp cho ông H1 ngày 08/11/1995, trong khi giấy sang nhượng của bà H2 và bà Đ cho ông H1 là ngày 02/10/1996;

- Đất có mồ mã của tổ tiên gia đình bà T, ông H1 nhưng UBND huyện Đ cấp đổi ngày 11/10/2012 của ông H1 và bà D là không đúng.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:

Ngày 20/12/2016 bà T có đơn đề nghị UBND huyện Đ thu hồi GCNQSD đất cấp cho ông Thái Sơn H1 số BL 998344 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/10/2012 cho ông H1 và bà D. Sau khi thẩm tra thì UBND huyện xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số 715/CV-UBND ngày 16/02/2017, ngày 15/3/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường có công văn số 987/CV-STTMT có nội dung việc cấp giấy cho ông H1 là đúng trình tự thủ tục.

Ngày 05/5/2017 UBND huyện Đ có Công văn số 2395/UBND-PTNMT có nội dung bà T đề nghị UBND huyện Đ thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đứng tên ông Thái Sơn H1 đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 81, thị trấn Đ là không có cơ sở, đồng thời có ý kiến đề nghị bà T khởi kiện ra Tòa án.

Nay UBND huyện Đ giữ nguyên công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thái Sơn H1 trình bày:

Năm 1978 ông H1 về ở trên thửa số 531 tờ bản đồ số 32 (nay là thửa số 147, tờ bản đồ số 81) tọa lạc tại thị trấn Đ, (ông H1 là con của bà H) cùng với bà ngoại là Châu Thị D1. Ngày 02/10/1996 ông mua lại của bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Đ với giá 10 chỉ vàng 24K. Ông H1 được cấp GCNQSD đất ngày 08/11/1995

đối với thửa số 531, tờ bản đồ số 32 có diện tích 825m², trong đó có 400m² đất ở. Năm 2012 ông H1 chuyển nhượng cho bà G 320m² đất, sau đó ông H1 chỉnh lý lại GCNQSD đất mới có số BL998334.

Năm 2012 ông H1 và bà H2, bà T phát sinh mâu thuẫn, ông H1 mới biết việc bà T yêu cầu UBND huyện Đ thu hồi GCNQSD đất số BL998334 ông Thái Sơn H1 không có ý kiến gì. Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà Tăng Thị T.

4. Người có quyền lợi và N1 vụ liên quan bà Nguyễn Thị D ủy quyền ông Nguyễn Thái B1 trình bày:

UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất cho ông Thái Sơn H1 đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 81, thị trấn Đ, sau đó cấp đổi sang tên ông H1 bà D là có cơ sở. Bà T yêu cầu hủy diện tích 140,3m² đất có khu mộ là một phần của thửa số 147, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại ấp P, thị trấn Đ thì phải bồi thường giá trị đất cho ông H1 và bà D,

5. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị U trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 81 tọa lạc tại thị trấn Đ là của tổ tiên ông Nguyễn Văn T, bà Châu Thị D1 sử dụng từ trước năm 1975, trong diện tích đó hiện nay có 09 ngôi mộ, do đó UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất cho ông H1 và bà D là không đúng, bà T khởi kiện yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận số BL998334 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/10/2012 cho ông H1 và bà D, thì bà Tăng Thị U đồng ý.

5. Ông Tăng Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đồng ý với yêu cầu của bà Tăng Thị T.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và giữ nguyên ý kiến:

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Ông H1 kê khai thửa số 531, tờ bản đồ số 32 không ghi trên đất có khu mộ, Ủy ban nhân cấp xã không thẩm tra mà đề nghị UBND huyện L cấp GCNQSD đất ngày 08/11/1995 đối với thửa số 531, tờ bản đồ số 32 có diện tích 825m², trong đó có 400m² đất ở và trong đó có 425m² đất trồng cây hàng năm mà không trừ phần đất có khu mộ là không phù hợp với Điều 42 luật đất đai năm 1993 qui định về mục đích sử dụng đất nông nghiệp, khoản 2 Điều 2 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d Điều

106 Luật đất đai năm 2013 buộc UBND huyện Đ có trách nhiệm thu hồi GCNQSD đất có số BL998334 cấp ngày 11/10/2012 cho ông Thái Sơn H1 và bà Nguyễn Thị D để điều chỉnh trừ phần đất 77,9m² đất có khu mộ. Hủy văn bản số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ trả lời bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tăng Văn B và bà Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có sự tham dự của người đại diện theo ủy quyền.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Bà T khởi kiện Hành vi UBND huyện Đ không thu hồi GCNQSD đất đứng tên ông H1 và bà D, yêu cầu hủy Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ và buộc UBND huyện Đ phải thu hồi GCNQSD đất đây là Quyết định Hành chính, Hành vi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tố tụng Hành chính.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Bà T khởi kiện Hành vi UBND huyện Đ không thu hồi GCNQSD đất đứng tên ông H1, bà D và Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ và buộc UBND huyện Đ phải thu hồi GCNQSD đất nên UBND huyện Đ là người bị kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng Hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/6/2017 bà T làm đơn khởi kiện tại Tòa án đối với Hành vi UBND huyện Đ không thu hồi GCNQSD đất và Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ và buộc UBND huyện Đ phải thu hồi GCNQSD đất là còn trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

[5] Về nội dung:

[5.1] Ngày 20/6/2017 bà T làm đơn khởi kiện tại Tòa án đối với Hành vi UBND huyện Đ không thu hồi GCNQSD đất đứng tên ông H1, bà D và Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ và buộc UBND huyện Đ phải thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất số BL 998334.

Ngày 19/12/2017 tại buổi đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm bà T thay đổi một phần khởi kiện, chỉ yêu cầu giải quyết hủy diện tích 140,3m² đất có khu mộ là một phần của thửa số 147, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại ấp P, thị trấn Đ theo

GCNQSD đất số BL998334, việc thay đổi một phần khởi kiện là tự nguyện nên Tòa chấp nhận.

[5.2] Ngày 20/9/1994 và ngày 13/7/1995 ông H1 xin cấp GCNQSD đất diện tích 845m² thửa số 531 tờ bản đồ số 32 (nay là thửa số 147, tờ bản đồ số 81) tọa lạc tại thị trấn Đ, ông H1 kê khai nguồn gốc đất do ông bà để lại năm 1992 gồm đất Thổ cư và đất màu, không kê khai trong phần đất trên có khu Mộ của dòng tộc có trên đất, như vậy ông H1 kê khai H trạng đất là không đầy đủ.

[5.3] Thực tế thẩm định ngày 05/12/2017 ở thửa số 531 tờ bản đồ số 32 (nay là thửa số 147, tờ bản đồ số 81) tọa lạc tại thị trấn Đ trên đất có khu mộ gồm 07 ngôi mộ xây, xung quanh khu mộ phần lớn đã xây móng và một phần tường bao quanh, khu mộ có diện tích 77,9m². Ông H1, bà T, bà U thừa nhận khu mộ của dòng tộc trên đất có từ lâu đời, trước khi ông H1 sử dụng đất.

[5.4] Ủy ban nhân cấp xã không thẩm tra mà đề nghị UBND huyện L cấp GCNQSD đất ngày 08/11/1995 đối với thửa số 531, tờ bản đồ số 32 có diện tích 825m², trong đó có 400m² đất ở và 425m² đất trồng cây hàng năm mà không trừ phần đất có khu Mộ là không phù hợp với Điều 42 luật đất đai năm 1993 qui định về mục đích sử dụng đất nông nghiệp như sau:

“Đất nông nghiệp là đất được xác định chủ yếu để sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hoặc nghiên cứu thí nghiệm về nông nghiệp”.

Năm 2012 ông H1 chuyển nhượng cho ông T và bà G 328,2m² đất; sau đó ông H1 làm thủ tục chỉnh lý lại đất đai và UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất mới có số BL998334 ngày 11/10/2012 cho ông H1 và bà D diện tích 447,1m² đất thửa số 147, tờ bản đồ số 81 trong đó có 300m² đất ở và 147,1m² đất trồng cây hàng năm mà không trừ đất có khu Mộ là không đúng mục đích sử dụng đất.

Tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 qui định phải thu hồi GCNQSD đất đã cấp không đúng mục đích, do đó UBND huyện Đ có trách nhiệm thu hồi GCNQSD đất có số BL998334 để điều chỉnh trừ phần đất có khu mộ 77,9m² theo đúng qui định pháp luật đất đai.

Bà T yêu cầu hủy cả phần đất trống diện tích 62,4m² trong GCNQSD đất số BL998334 là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

[5.5] Hành vi của UBND huyện Đ không thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số BL998334 cấp ngày 11/10/2012 cho ông H1 và bà D đã được thể hiện tại Công văn số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của UBND huyện Đ trả lời bà T là không phù hợp, nên hủy Công văn này.

[5.6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tiền chi phí đo đạc và Thẩm định hết 2.900.000đ bà T đã nộp đủ và không yêu cầu giải quyết.

[7] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được Tòa án xử lý khi đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

[8] Án phí Hành chính sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì UBND huyện Đ phải nộp 300.000đ.

Bà T không phải nộp án phí Hành chính sơ thẩm, trả lại cho T 300.000đ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 8, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Áp dụng: Điều 42 Luật đất đai năm 1993; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị T:

- Hủy Văn bản số 2395/UBND-PTNMT ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL998334 cấp ngày 11/10/2012 cho ông Thái Sơn H1 và bà Nguyễn Thị D để điều chỉnh không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có khu mộ có diện tích 77,9m² tại thửa đất số 147 tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại ấp P, thị trấn Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (theo Trích đo địa chính ngày 13/12/2017 của Công ty THHH Đo đạc bản đồ và Xây dựng A, kèm theo Bản án).

2. Tiền chi phí đo đạc và thẩm định hết 2.900.000đ (hai triệu chín trăm ngàn đồng) bà Tăng Thị T đã nộp đủ và giải quyết xong.

3. Án phí Hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp 300.000đ. Trả lại 300.000đ cho bà Tăng Thị T theo Biên lai thu số 0005710 ngày 04/7/2017 của Cục Thi Hành án dân sự tỉnh B.

4. Các đương sự có quyền yêu cầu thi Hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tố tụng Hành chính.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa Phúc Thẩm-Tòa án nhân dân Cấp cao tại tH1nh phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- UBND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA**

Đã ký

Đào Đức Thiện